

Số: /KH-UBND

Bình Phước, ngày tháng năm 2022

KẾ HOẠCH

Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn tỉnh năm 2022

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 và mẫu biểu báo cáo;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025 và mẫu biểu báo cáo;

Thực hiện Công văn số 3444/LĐTBXH-VPQGNN ngày 08/9/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ năm 2022;

Xét đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 1936/TTr-SLĐTBXH ngày 03/10/2022,

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ năm 2022 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025 và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn tỉnh như sau:

I. MỤC ĐÍCH

Xác định hộ nghèo, tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo, tỷ lệ hộ cận nghèo, hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn

tính tại thời điểm cuối năm 2022 trên địa bàn tỉnh theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 để làm cơ sở thực hiện các chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo năm 2023 và hoạch định các chính sách kinh tế, xã hội giai đoạn 2022-2025.

II. YÊU CẦU

Việc rà soát, xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, có mức sống trung bình phải có sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của cấp ủy, chính quyền, sự tham gia của các cấp hội, đoàn thể và của người dân; phải được thực hiện đúng quy trình, đúng tiến độ về thời gian; đảm bảo tính chính xác theo nguyên tắc công khai, công bằng, dân chủ; kết quả rà soát phải phản ánh đúng thực tế tình hình phát triển kinh tế xã hội của địa phương và đời sống của nhân dân; không chạy theo chỉ tiêu, thành tích, phản ánh sai lệch thực tế về tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo hoặc thoát nghèo, đồng thời không bỏ sót đối tượng. Việc quản lý, sử dụng kinh phí điều tra, rà soát bảo đảm đúng chế độ hiện hành, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả.

III. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Tiêu chí, quy trình, phương pháp rà soát

- **Tiêu chí:** Áp dụng theo tiêu chí quy định tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025 (gọi tắt là chuẩn mới).

- **Quy trình rà soát:** Thực hiện theo Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025.

- **Phương pháp rà soát:** Thực hiện theo quy định tại Thông tư 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025 và mẫu biểu báo cáo; Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

Rà soát viên trực tiếp đến từng hộ gia đình để thu thập thông tin đối với các hộ đang thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ có giấy đề nghị rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có giấy đề nghị xác nhận hộ có mức sống trung bình theo mẫu. Trong quá trình rà soát, thu thập dữ liệu, rà soát viên phải sử dụng phần mềm theo các hướng dẫn của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để nhập dữ liệu, tổng hợp, báo cáo số liệu.

2. Thời gian thực hiện

a) Đối với hộ nghèo, cận nghèo

- Trước ngày 07/11/2022, Phòng (Nội vụ) Lao động - Thương binh và Xã hội báo cáo kết quả sơ bộ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Trước ngày 15/12/2022, Chủ tịch UBND cấp huyện báo cáo chính thức kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội theo hệ thống biểu mẫu quy định tại Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH và Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH.

- Trước ngày 20/12/2022, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp, tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2022 về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

b) Đối với hộ nông, lâm nghiệp có mức sống trung bình: Thời gian xác định được thực hiện định kỳ từ ngày 15 hàng tháng, tổng hợp báo cáo kết quả về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chậm nhất ngày 30 hàng tháng.

IV. ĐỊNH MỨC CHI

1. Định mức chi hỗ trợ rà soát viên đối với hộ nghèo, cận nghèo

- Trên địa bàn các thị xã, thành phố: Đồng Xoài, Phước Long, Chơn Thành, Bình Long: 12.000 đồng/hộ.

- Trên địa bàn các huyện còn lại: 14.000 đồng/hộ.

Số hộ làm cơ sở thanh toán: Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện theo đúng quy định, phù hợp với tình hình thực tế.

2. Định mức chi hỗ trợ rà soát viên đối với hộ làm nông, lâm nghiệp có mức sống trung bình

Trên địa bàn các huyện huyện, thị xã, thành phố: Đồng Xoài, Phước Long, Chơn Thành, Bình Long: 6.000 đồng/hộ.

Trên địa bàn các huyện còn lại: 8.000 đồng/hộ.

Số hộ làm cơ sở thanh toán là hộ được xác định là hộ nông, lâm nghiệp có mức sống trung bình theo quyết định công nhận của UBND cấp xã.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Từ nguồn kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2022 thực hiện Tiêu dự án 7 (Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá chương trình) giao tại Quyết định 1624/QĐ-UBND ngày 05/9/2022 của UBND tỉnh.

Từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện theo phân cấp quản lý ngân sách; lồng ghép với nguồn kinh phí chuyên môn của các đơn vị đã được bố trí trong dự toán giao năm 2022 của các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành thành viên Ban chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo có mức sống trung bình trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021-2025 triển khai thực hiện Kế hoạch này.

- Theo dõi, kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc địa phương thực hiện công tác điều tra, rà soát trên địa bàn tỉnh theo đúng quy trình và đúng thời hạn quy định; tổ chức phúc tra kết quả điều tra, rà soát của cấp huyện trong trường hợp xét thấy kết quả điều tra, rà soát chưa phù hợp với tình hình thực tế của địa phương hoặc có đơn thư khiếu nại.

- Tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2022 về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Sở Tài chính: Căn cứ vào nguồn kinh phí đã bố trí trong dự toán thực hiện thẩm định, quyết toán theo quy định.

3. Cục Thống kê

- Phối hợp, cung cấp cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các thông tin, số liệu liên quan đến cuộc tổng rà soát để làm cơ sở tính tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo và phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu sau rà soát.

- Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các ngành liên quan trong quá trình triển khai thực hiện; kiểm tra, giám sát hoạt động rà soát xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh.

4. Đề nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh: Chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban MTTQ các cấp và các tổ chức thành viên tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình trên địa bàn tỉnh.

5. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Căn cứ Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo của tỉnh triển khai thực hiện trên địa bàn.

- Tổ chức tập huấn quy trình và bộ công cụ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn.

- Tổ chức thẩm định và phúc tra kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo của các xã, phường, thị trấn; trường hợp xét thấy kết quả rà soát chưa phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, tổ chức phúc tra trước khi phê duyệt kết quả rà soát; chịu trách nhiệm về tiến độ, kết quả rà soát xác định hộ nghèo đối với các xã, phường, thị trấn trên địa bàn.

- Có ý kiến về báo cáo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; tổng hợp, phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn và báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo tiến độ tại kế hoạch này.

- Chỉ đạo UBND cấp xã tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn. Cụ thể:

+ Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn.

+ Phổ biến, tuyên truyền mục đích, yêu cầu của công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm trên các phương tiện truyền thông; chủ động phát hiện hộ gia đình gặp khó khăn, biến cố rủi ro trong năm để hướng dẫn hộ gia đình đăng ký rà soát.

+ Tổ chức lực lượng rà soát: Lựa chọn rà soát viên là những người có kinh nghiệm về công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, thông thuộc địa bàn khảo sát, đủ sức khỏe làm việc; tại các vùng dân tộc thiểu số phải biết tiếng dân tộc; căn cứ tình hình, lực lượng cụ thể của từng xã, phường, thị trấn có thể bố trí các ban, ngành, đoàn thể tham gia.

+ Ứng dụng công nghệ thông tin trong việc rà soát, quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có mức sống trung bình khi nhận được giấy đề nghị của hộ gia đình.

Trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch, nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc, phát sinh các đơn vị phản ánh kịp thời về đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo rà soát cấp tỉnh) để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ LĐ-TB&XH (b/c);
- Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo;
- TT TU, TT HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- TV Ban Chỉ đạo rà soát cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP, Phòng KGVX ;
- Lưu: VT, KGVX (Ch-43).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Tuyết Minh